

TƯ TƯỞNG CẢI CÁCH, ĐỔI MỚI KINH TẾ Ở VIỆT NAM VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG ĐIỀU KIỆN NGÀY NAY

Ths. Huỳnh Kim Thừa

Khoa LLCT

Tóm tắt

Bài báo trình bày nội dung tư tưởng cải cách, đổi mới kinh tế trong lịch sử tư tưởng kinh tế Việt Nam, từ những tư tưởng cải cách thời kỳ phong kiến đến khi thực dân Pháp xâm lược và thành công trong đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thông qua phương pháp phân tích, phương pháp logic – lịch sử, và phương pháp trừu tượng hóa khoa học, tác giả phân tích những tư tưởng cải cách, đổi mới kinh tế nổi bật, từ đó đưa ra những khuyến nghị cho quá trình đổi mới kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: cải cách, đổi mới, tư tưởng kinh tế, lịch sử Việt Nam

Abstract:

The article presents the contents of the thought of economic reform and renewal in the history of Vietnam's economic thought, from the reform ideas of the feudal period to the french colonial invasion and the success of the Renovation of the Communist Party of Vietnam. Through analytical methods, logical-historical methods, and methods of scientific abstraction, the author analyzes outstanding ideas of economic reform and innovation, thereby making recommendations for the process of Vietnam's economic innovation in the current period.

Keyword: innovation, renovation, economic idea, Vietnamese history.

1. Đặt vấn đề

Lịch sử dân tộc trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước đến nay, mặc dù không có những học thuyết kinh tế nổi bật nhưng tư tưởng kinh tế của dân tộc Việt Nam đã để lại những giá trị đáng kể, đặc biệt là các tư tưởng cải cách, đổi mới kinh tế.

Nghiên cứu nội dung này nhằm khái quát lại bức tranh toàn diện về những nhà cải cách và những tư tưởng cải cách đổi mới trong lịch sử tư tưởng kinh tế Việt Nam. Qua đó, nhằm khẳng định trí tuệ của con người và dân tộc Việt Nam từ trong chiến tranh hay trong hòa bình, từ thời phong kiến đến khi đất nước đi lên xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Đồng thời, nghiên cứu nội dung này nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm thực hiện công cuộc đổi mới kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới.

2. Nội dung tư tưởng cải cách, đổi mới kinh tế ở Việt Nam thời kỳ phong kiến

2.1. Nội dung tư tưởng cải cách, đổi mới kinh tế ở Việt Nam thời kỳ phong kiến

2.1.1. Thời kỳ Bắc thuộc (179 TCN – 938)

Năm 905, Khúc Thừa Dụ lãnh đạo nhân dân ta giành chính quyền từ tay phong kiến phương Bắc, tự xưng là Tiết Độ Sứ. Ngày 7 tháng 2 năm 906, vua Đường là Đường Ai Tông còn phong cho Khúc Thừa Dụ là Đồng Bình Chương Sự. Sau khi Khúc Thừa Dụ mất, con cháu ông tiếp tục lên thay lãnh đạo đất nước kéo dài 25 năm: Khúc Hạo (907-917) và Khúc Thừa Mỹ (917-930). Những cải cách của họ Khúc để lại dấu ấn cho dân tộc chủ yếu về cải cách hành chính và cải cách kinh tế.

Một mặt, về cải cách hành chính, Khúc Hạo bãi bỏ các đơn vị hành chính do nhà Đường lập ra, bước đầu thiết lập hệ thống đơn vị hành chính từ trung ương đến địa phương (làng, xã) và chia cả nước thành những đơn vị hành chính các cấp (Lộ, Phủ, Châu, Giáp, Xã) nhằm trong nom việc thu thuế.

Mặt khác, thực hiện những cải cách kinh tế - xã hội tiến bộ theo tư tưởng “khoan dung, giản dị” để nhân dân được an vui. Tức là, coi trọng việc quan tâm đến đời sống nhân dân. Trong đó, nội dung chính của cải cách kinh tế là chia thuế ruộng bình quân, kê khai họ tên, quê quán của các hộ và giao cho giáp trưởng trông coi. Tư tưởng “bình quân thuế ruộng được các nhà nghiên cứu kinh tế ngày nay đánh giá là “đã kết hợp hài hòa trong chính sách ruộng đất và thu thuế giữa nhà nước, làng xã và hộ nông dân, tạo điều kiện để nông nghiệp phát triển” [1; tr.73].

Những cải cách của chính quyền họ Khúc đã thể hiện bước tiến bộ trong tư tưởng kinh tế và chuẩn bị tiền đề cho sự hưng thịnh và phát triển của dân tộc sau này.

2.1.2. Thời kỳ xây dựng và hưng thịnh của phong kiến dân tộc tự chủ (938 – cuối TK XV)

Trong giai đoạn phát triển hưng thịnh của nền văn minh Đại Việt gắn với các triều đại từ Ngô (938-944), Đinh (968-980), Tiền Lê (980-1009), Lý (1009-1225), Trần (1226-1400), Hồ (1400-1407) và Hậu Lê (1428-1527),... với nhiều cải cách nổi bật. Trên cơ sở nền độc lập của dân tộc được giữ vững, những cải cách đó quan tâm sâu sắc đến việc chấn hưng kinh tế - xã hội. Từ đó, đất nước đã đạt được những thành tựu đáng kể trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp.

Nổi bật ở thời kỳ này là tư tưởng cải cách kinh tế của Hồ Quý Ly (1336-1407) với những nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất, Hồ Quý Ly là người đầu tiên thay đổi và đặt nền móng cho thể chế cai trị mới trong xã hội Việt Nam, đó là đường lối cai trị “thân dân”, “gần dân”, dưới thời Lý – Trần sang

thể chế chuyên chế tập quyền của nhà nước phong kiến. Từ chính sách hạn điền, hạn nô, cho đến việc sắp đặt lễ lối cai trị của triều đại nhà Hồ.

Thứ hai, Thực chất của chính sách hạn điền và chính sách hạn nô là biện pháp đánh vào thể lực kinh tế và cơ sở xã hội của nhà Trần, củng cố địa vị thống trị của nhà Hồ, điều đó cũng có nghĩa là củng cố địa vị thống trị của nhà nước chuyên chế tập quyền.

Chính sách hạn điền được nhà Hồ quy định và kiểm soát chặt chẽ đối với từng đối tượng trong xã hội như: Đại vương, Trưởng công chúa (không hạn định), thứ dân (không được quá 10 mẫu). Bất cứ người nào có ruộng tư đều phải kê khai và cắm thẻ ghi tên trên mảnh ruộng của họ, không khai báo sẽ bị tịch thu. Cùng với chính sách hạn điền là chính sách hạn nô, cũng quy định cụ thể số nông nô, nô tỳ đối với quý tộc, quan lại.

Thứ ba, tư tưởng kinh tế của Hồ Quý Ly còn thể hiện trong cải cách tiền tệ.

Cải cách tiền tệ được Hồ Quý Ly ban hành năm 1396, theo đó nhà nước phát hành tiền giấy “thông bảo hội sao” thay cho tiền đồng và buộc dân chúng phải đổi tiền theo quy định: 1 quan tiền đồng đổi được 1 quan hai tiền giấy. Lúc đó, tiền “thông bảo hội sao” gồm 7 loại: 10 đồng, 30 đồng, 1 tiền, 2 tiền, 3 tiền, 5 tiền và 1 quan. Hồ Quý Ly cũng quy định, ai làm tiền giả phải tội chết, toàn bộ gia sản bị tịch thu, ai cất giữ tiền đồng cũng bị xử nặng như tội làm tiền giả.

Nếu xét dưới góc độ lịch sử phát triển của tiền tệ, tiền giấy ra đời (thay cho tiền kim loại) là một bước tiến quan trọng, do vậy việc Hồ Quý Ly áp dụng việc sử dụng tiền giấy là rất táo bạo. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế lúc bấy giờ, việc phát hành tiền giấy đã bị phản ứng mạnh mẽ của dân chúng, vì: Mục đích của Hồ Quý Ly trong việc phát hành tiền giấy có lẽ phục vụ cho việc nhà Hồ quản lý tài trong nước, đồng thời thu đồng về để phục vụ việc đúc vũ khí; Điều kiện kinh tế - xã hội nước ta lúc đó chưa hội đủ các yếu tố để phát hành tiền giấy thay cho tiền đồng. Nhận thức và thói quen của dân chúng cũng chưa thể chấp nhận việc sử dụng tiền giấy lúc đó. Do vậy, năm 1403, nhà Hồ ban hành điều luật về tội không sử dụng tiền giấy, tội nâng giá hàng hóa hay đóng cửa không bán hàng.

Thứ tư, cải cách chế độ thuế là một nội dung quan trọng trong tư tưởng kinh tế của Hồ Quý Ly. Nội dung cải cách về thuế được triều đình ban hành năm 1402, chủ yếu áp dụng đối với thuế đinh và thuế ruộng: thuế đinh chỉ đánh vào người có ruộng được chia; người không có ruộng, trẻ mồ côi, phụ nữ góa bụa không phải nộp thuế. Thuế ruộng tư nộp 5 thăng/mẫu. Phân tích biểu thuế do Hồ Quý Ly ban hành. Những cải cách thuế dưới thời nhà Hồ có nhiều nét tiến bộ, khuyến khích sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển, đó cũng là điều kiện để tăng thu ngân sách của nhà nước.

Tuy nhiên, về tổng thể, cải cách của Hồ Quý Ly thực hiện quá đôn dập, trong một thời gian ngắn không đạt kết quả như mong đợi và gây ra sự phẫn nộ trong nhân dân, đặc biệt là

các sĩ phu trung thành với nhà Trần. Cuộc cải cách của ông thất bại cùng sự thất bại của nhà Hồ trước cuộc chiến xâm lược của nhà Minh. [2; tr.8]

2.1.3. Thời kỳ khủng hoảng và suy vong của phong kiến dân tộc (thế kỷ XVI – 1858)

Từ cuối thế kỷ XV, những dấu hiệu về sự suy yếu của triều đình Hậu Lê đã bắt đầu bộc lộ. Đến thế kỷ XVI, nhà nước phong kiến trung ương tập quyền nhà Lê ngày càng rệu rã, sự phân lập giữa các thế lực phong kiến làm cho đời sống chính trị Đại Việt ngày càng bất ổn. Đây là thời kỳ nền kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, thậm chí đã xuất hiện nhiều nhân tố mới (làng thủ công xuất hiện ngày càng nhiều, hình thành các trung tâm buôn bán lớn với sự tham gia của các thương nhân nước ngoài, công trường thủ công xuất hiện trong lĩnh vực khai thác mỏ, dệt, làm đường,).

Thời kỳ này cũng xuất hiện một số nhà tư tưởng kinh tế tiêu biểu mang tính cải cách, có thể kể đến 3 nhà tư tưởng như:

(1) Lê Quý Đôn (1726-1784): ông đã sưu tập, tổng hợp có hệ thống các hiện tượng, quá trình kinh tế trong tác phẩm của mình. Tư tưởng của ông chủ yếu đề cập đến vai trò chủ đạo của nền kinh tế nông nghiệp và ghi lại những đặc điểm của nền kinh tế - xã hội của nền sản xuất nông nghiệp, những hiểu biết về kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, những kinh nghiệm dân gian trong lao động sản xuất nông nghiệp. Tư tưởng của ông không những không bị ảnh hưởng bởi tư tưởng trong nông lúc bấy giờ mà còn có điểm tiến bộ khi khai thác những nguồn lợi của các ngành nghề khác như: nghề thủ công, khai thác khoáng sản, mở rộng quan hệ buôn bán trong và ngoài nước.

(2) Quang Trung – Nguyễn Huệ (1753-1792): là vị vua có đóng góp to lớn cho dân tộc trong thời kỳ dựng nước và giữ nước. Điểm nổi bật trong tư tưởng kinh tế của Quang Trung là: trọng nông, tự lực tự cường trong phát triển kinh tế và mở rộng quan hệ kinh tế với bên ngoài. Quang Trung đã đưa ra chính sách khuyến nông trong “Chiếu khuyến nông” với những quy định về việc đề cao vai trò của nông nghiệp, cấp đất cho dân cày cấy và phải nộp thuế, đất đai trong các xã phải được cày cấy theo quy định. Đây là chính sách có tác dụng tích cực đối với việc khôi phục và xây dựng nền kinh tế đất nước sau chiến tranh.

(3) Nguyễn Công Trứ (1779-1858): là một nhân vật lỗi lạc, nổi tiếng cương trực, thanh liêm. Ông đã có những đóng góp về mặt kinh tế khi đề xuất tư tưởng: trọng dân, tạo điều kiện mở rộng sản xuất cho dân “khẩn ruộng hoang” cho dân nghèo, xây dựng thủy lợi, cách lán biển. Bên cạnh đó, ông còn đề xuất quan điểm cai trị, đề cao giáo dục cho dân, định rõ thưởng phạt, ổn định kỷ cương.

2.2. Những tư tưởng cải cách, canh tân trong kinh tế ở Việt Nam thời kỳ thực dân Pháp thống trị (1858 – 1945)

2.2.1. Tư tưởng cải cách, canh tân trong kinh tế của các sĩ phu yêu nước nửa cuối TK XIX

Đây là thời kỳ đất nước đứng trước hiểm họa thống trị, xâm lược của thực dân Pháp, những mâu thuẫn nội tại trong xã hội phong kiến đã bộc lộ rõ rệt, yêu cầu khách quan của lịch sử là cần có một cuộc “cách mạng” hay “cải cách” triệt để đất nước. Từ yêu cầu đó, những tư tưởng của các sĩ phu yêu nước xuất hiện, nổi bật là những tư tưởng cải cách kinh tế của Phạm Phú Thứ, Bùi Viện, Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ, ...

Trước hết là tư tưởng cải cách của Phạm Phú Thứ (1821-1882): Ông được giữ nhiều vị trí lãnh đạo dưới triều Nguyễn, được cử đi nhiều nước như Trung Quốc, Pháp, Tây Ban Nha nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến tư tưởng của ông. Vì vậy, nội dung cải cách kinh tế của Phạm Phú Thứ xoay quanh việc mở cửa, canh tân đất nước, khai thác các thế mạnh của quốc gia về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; quan tâm đến việc đào kênh làm thủy lợi, mở rộng giao thông thủy bộ, mở thêm cảng biển, thông thương kinh tế với bên ngoài. Ngoài ra, ông còn quan tâm đến cải cách giáo dục thông qua tiếp thu tư tưởng phương Tây và đề nghị cải cách quốc phòng.

Cũng là nhà tư tưởng cải cách quan tâm đến mở rộng giao thương với nước ngoài, củng cố quốc phòng như Phạm Phú Thứ, Bùi Viện (1839-1879) đã đề nghị triều đình: Nạo vét sông ngòi, phát triển giao thông, tổ chức thủy đội, mở rộng giao thương kinh tế với nước ngoài đặc biệt là Phương Tây, có công lớn trong xây dựng cảng Hải Phòng; đồng thời coi trọng cải cách quân đội để bảo vệ chủ quyền đất nước.

Với mong muốn đưa đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu và ngoại xâm, Nguyễn Lộ Trạch (1853-1898) đã đưa ra những tư tưởng cải cách sâu sắc và toàn diện. Trong đó ông đề xuất: Cải cách đất nước trên các lĩnh vực kinh tế, tổ chức quân đội, bộ máy ngoại giao theo hướng tự lực, tự cường; Chú trọng cải cách và phát triển hệ thống đồn điền theo hướng tự trị, tự cường, mở rộng giao thương với các nước bên ngoài nhằm phát triển kinh tế và giao lưu, học tập kinh nghiệm khoa học kỹ thuật của phương Tây; Coi giáo dục đào tạo là nhân tố căn bản để chấn hưng đất nước.

Được đánh giá là nhà cải cách, canh tân lớn của đất nước, Nguyễn Trường Tộ (1830-1871) đã có nhiều kiến nghị cải cách gửi lên triều đình Huế, với nội dung chủ yếu là: *Một là*, phát triển kinh tế đất nước làm cho dân giàu, nước mạnh; *Hai là*, coi nông nghiệp là gốc, là ngành quan trọng, phải khai thác hợp lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đề xuất đào kênh, trồng rừng, làm thủy lợi, khai thác hải sản, khai hoang mở rộng diện tích đất canh tác; *Ba là*, đối với công thương nghiệp cần tự khai thác hoặc hợp tác với nước ngoài khai thác các nguồn lợi cho xuất khẩu, phát triển các ngành khai khoáng và đóng tàu, phát triển ngoại thương đường biển; *Bốn là*, đối với lĩnh vực tài chính, nên đánh thuế vào những mặt hàng xa xỉ, có thể vay vốn của dân và nước ngoài để phát triển kinh tế và chấn hưng đất nước, tiết kiệm, chống lãng phí; *Năm là*, quan tâm đến cải cách canh tân giáo dục, hành chính, nhân sự và

quân sự. Trong đó, cải cách giáo dục theo hướng học “thực dụng” kiểu phương Tây; Cải cách quan, cách thức cai trị theo hướng đào tạo quan lại có trình độ, tuyển dụng người thanh liêm, siêng năng, sáng suốt, bộ máy cai trị phải gọn nhẹ, tăng lương cho quan lại để họ toàn tâm toàn ý làm việc,...; Trong quan hệ ngoại giao phải khôn khéo, đa phương hóa ngoại giao,...

2.2.2. Tư tưởng cải cách, canh tân trong kinh tế của các trí thức yêu nước đầu TK XX

Nổi bật của thời kỳ này là tư tưởng của những nhà trí thức yêu nước của phong trào Duy Tân do Phan Chu Trinh (1872-1926) lãnh đạo, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do Lương Văn Can (1854-1972) lãnh đạo cùng các chí sĩ yêu nước khác. Tư tưởng kinh tế chủ yếu của Phan Chu Trinh là “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, tức là xem cải cách giáo dục là việc làm cấp thiết. Đối với kinh tế, ông coi cải cách nền kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân phải xuất phát từ giáo dục. Cũng quan tâm sâu sắc đến cải cách giáo dục để phát triển đất nước, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục còn chú trọng chấn hưng và phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp, đã đưa ra quan điểm liên quan đến yếu tố cạnh tranh trong kinh tế thị trường, coi nó là quy luật của nền kinh tế thị trường và động lực của sự phát triển và tiến bộ xã hội. Bên cạnh đó, họ còn đề xuất phát triển kinh tế theo mô hình của Châu Âu, cải cách thể chế theo hướng dân chủ.

2.3. Tư tưởng đổi mới kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ 1986 đến nay)

Sau khi Việt Nam thống nhất đất nước năm 1975, Đảng Cộng sản tiếp tục thực hiện mô hình kinh tế tập thể với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp. Nếu trong thời kỳ chiến tranh, mô hình kinh tế tập thể đã huy động sức người, sức của phục vụ công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và là hậu phương vững chắc cho Miền Nam tiền tuyến thì trong hòa bình, mô hình này lại bộc lộ nhiều hạn chế. Nó đã thủ tiêu cạnh tranh, kìm hãm tiến bộ khoa học – công nghệ, triệt tiêu động lực kinh tế, không kích thích tính năng động sáng tạo của các đơn vị sản xuất kinh doanh. Từ đó, đời sống người dân vô cùng khó khăn, khủng hoảng kinh tế xảy ra, lạm phát tăng cao. Trong thực tiễn sản xuất, một số nơi đã thực hiện “xé rào” để tăng năng suất lao động, đáp ứng nhu cầu người dân.

Trước yêu cầu đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, những nội dung đổi mới về kinh tế cụ thể:

Một là, đổi mới tư duy trên tất cả các lĩnh vực, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế. Từ Đại hội VI đến Đại hội VIII của Đảng, đã đưa ra nhận thức về kinh tế thị trường, thừa nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (Đại hội IX).

Hai là, đưa ra nội dung cơ bản về định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta (Đại hội IX, X, XI, XII) về: Mục đích phát triển để đảm bảo dân giàu nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh; Phương hướng phát triển nền kinh tế nhiều thành phần,

hiều hình thức sở hữu; Định hướng xã hội và phân phối đảm bảo thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển xã hội,...; Về quản lí, phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, quản lí của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ba là, Đảng đã đưa ra những đổi mới thể chế kinh tế thị trường đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, coi trọng việc huy động mọi nguồn lực cho việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, đổi mới kinh tế kết hợp với đổi mới hệ thống chính trị để phục vụ cho công cuộc đổi mới và sự phát triển của đất nước. Trong đó, đổi mới kinh tế được xem là nhiệm vụ trọng tâm, đổi mới chính trị là then chốt.

Năm là, đổi mới kinh tế gắn với xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội.

Cuối cùng là, đổi mới kinh tế gắn liền với đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển.

2.4. Khuyến nghị

Một là, thực hiện đổi mới kinh tế phải xuất phát từ thực tế khách quan.

Hai là, thực hiện đổi mới kinh tế phải gắn liền với lợi ích của dân, trọng dân, vì dân.

Ba là, thực hiện đổi mới gắn với việc trọng dụng, tuyển dụng, bồi dưỡng nhân tài.

Bốn là, thực hiện đổi mới kinh tế phải gắn với bảo vệ vững chắc chế độ chính trị.

Năm là, thực hiện đổi mới kinh tế phải gắn liền với xây dựng hài hòa quan hệ đối ngoại.

3. Kết luận

Như vậy, qua phân tích các tư tưởng cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam có thể khẳng định những giá trị khoa học do những nhà tư tưởng mang lại. Trong đó, có những tư tưởng cải cách đạt được thành công như Quang Trung – Nguyễn Huệ, đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam đạt thành tựu quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế đất nước. Tuy nhiên, vẫn có những tư tưởng cải cách kinh tế dù không đạt được thành công như tư tưởng cải cách của Hồ Quý Ly, Phan Chu Trinh nhưng vẫn để lại những giá trị to lớn cho hậu thế.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Chí Hải – Nguyễn Văn Luân (2005), *Tư tưởng kinh tế Việt Nam thời kỳ cổ - trung đại*, Nxb. ĐHQGTPHCM.
2. Nguyễn Chí Hải (2017): *Tư tưởng cải cách kinh tế ở Việt Nam thời kỳ phong kiến và những gợi ý chính sách trong điều kiện hiện nay*, Tạp chí công nghệ ngân hàng, số 135 (6-2017)